| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠNH PHÚ**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 261/2019/DS-ST
Ngày: 05 - 9 - 2019
V/v tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Cẩm Nhung

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Lê Văn Mứt

*- Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2070/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Ông Lê Văn M, sinh năm: 1964; địa chỉ: 92/2 ấp TB, Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Bảo T, sinh năm: 1979 và chị Võ Thị Th, sinh năm: 1984; cùng địa chỉ: 28/3 ấp QL, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Bà Phan Thị Hạnh, sinh năm: 1953; địa chỉ: 21/3 ấp QL, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị Th và bà H cùng ủy quyền cho anh Nguyễn Bảo T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2019.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1969; địa chỉ: 92/2 ấp TB, Thị trấn P, huyện Phú, tỉnh Bến Tre. Bà K ủy quyền cho ông Lê Văn M tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 22/7/2019.

Ông M, anh T cùng có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2019, bản khai, biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn M đồng thời được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Khoe ủy quyền trình bày:*

Ngày 09/01/2017 ông và anh Nguyễn Bảo T có thỏa Thận mua bán thức ăn

chăn nuôi heo theo hình thức bao chuồng đến khi xuất bán thì anh T sẽ thanh toán số tiền mua thức ăn theo thỏa Thận. Ông và anh T có lập văn bản là "Hợp đồng mua bán thức ăn" đề ngày 09/01/2017 quá trình thực hiện giao dịch hai bên thể hiện việc mua bán qua sổ theo dõi do ông lập có thể hiện nội dung "ngày, tháng, năm; số bao, loại, giá, thành tiền, ký nhận". Việc giao thức ăn chăn nuôi do anh Nguyễn Văn Trí thực hiện (anh Trí là người chở hàng Thê cho ông M), ông M và anh T thỏa Thận địa điểm giao tài sản được thực hiện tại số nhà 21/3 ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre vì anh T thực hiện chăn nuôi tại đây.

Khi giao hàng thì người nhà của anh T gồm mẹ anh T là bà Hạnh, chị Th vợ anh T hoặc anh T là người ký nhận vào sổ ghi thức ăn do ông lập. Tính đến ngày 15/9/2017 anh T còn nợ số tiền 179.115.000 đồng có ký nhận nợ và hứa hẹn thời gian hoàn trả thể hiện qua văn bản là "Giấy nhận nợ" lập ngày 15/9/2017, đồng thời có thỏa Thận mỗi tháng anh T phải trả tiền lãi là 500.000 đồng từ ngày 15/9/2017, tiền lãi được tính vào số nợ gốc từ ngày 15/9/2017 cho đến ngày 13/02/2019. Sau đó anh Tòan chưa trả nợ xong thì có đề nghị ông tiếp tục cung cấp thức ăn để vừa chăn nuôi heo và chăn nuôi thêm vịt. Tính đến ngày 08/3/2019 tổng kết số tiền mà anh T nợ tiền thức ăn chăn nuôi heo và vịt là 350.818.000 đồng; giữa ông và anh T có lập văn bản là "Biên bản thỏa Thận" ngày 08/3/2019 xác định anh T có nợ số tiền 350.818.000 đồng và hứa hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và trả thêm 1.000.000 đồng tiền lãi, bắt đầu trả vào tháng 3/2019. Tuy nhiên đến ngày 05/5/2019 anh T có trả cho ông được 5.000.000 đồng và từ đó cho đến nay không thực hiện trả mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu, hiện anh T còn nợ số tiền 345.818.000 đồng. Từ ngày 08/3/2019 cho đến nay giữa anh T và ông không giao dịch mua bán nữa.

Do anh T, chị Th và bà Hạnh tuy có hộ khẩu khác nhau nhưng từ trước đến nay cả 03 người vẫn sống chung nhà, việc chăn nuôi được thực hiện tại số nhà 21/3 ấp Quí Lợi là nơi cư trú của bà Hạnh và bà Hạnh có một lần trực tiếp ký nhận vào sổ theo dõi việc mua thức ăn chăn nuôi do anh Nguyễn Văn Trí giao vào ngày 30/01/2017 ghi là "mẹ T". Việc bà Hạnh, anh T không thừa nhận chữ ký trong sổ theo dõi thức ăn ngày 30/01/2017 là chữ ký của bà Hạnh nhưng ông cũng không có yêu cầu giám định. Tại phiên tòa ông xác định bà Hạnh ký nhận vào sổ thức ăn của ông là xác nhận việc nhận thức ăn chăn nuôi thay cho anh T.

Nay ông yêu cầu anh T, chị Th (vợ anh T) và bà Hạnh (mẹ anh T) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi heo và vịt cho ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Khoe với số tiền 345.818.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, vì đây là tài sản chung của vợ chồng ông. Ông yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà Hạnh vì ông xác định bà Hạnh, anh T và chị Th cùng làm kinh tế hộ gia đình, không đồng ý yêu cầu trả dần của anh T.

*Theo nội dung bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Bảo T đồng thời được các bị đơn chị Võ Thị Th, bà Phan Thị Hạnh cùng ủy quyền trình bày:*

Anh thừa nhận hiện anh còn nợ ông M số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo, vịt là 345.818.000 đồng, quá trình giao dịch mua bán thức ăn do anh trực tiếp đứng ra giao dịch cũng như ký nhận các văn bản giấy tờ biên nhận nợ đúng như ông M đã

trình bày. Anh xác định anh và vợ anh – chị Võ Thị Th cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền này cho ông M vì mục đích của việc mua thức ăn chăn là để phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng.

Anh xác định mẹ anh - bà Phan Thị Hạnh không liên quan đến việc giao dịch mua bán thức ăn giữa anh và ông M. Việc bà Hạnh có ký tên hay không thì anh không xác định được vì anh hỏi lại thì bà Hạnh không nhớ. Tuy nhiên anh xác định việc bà Hạnh có ký tên thì cũng không phải là căn cứ để buộc bà Hạnh có trách nhiệm liên đới cùng anh và chị Th trả nợ cho ông M. Vì việc ký nhận này thì cũng nhằm xác nhận đã nhận thức ăn chăn nuôi thay cho anh do ông M giao hàng đến và việc ký nhận này không phải là cơ sở để xác định bà Hạnh phải có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng mua bán giữa anh và ông M. Anh cũng không có yêu cầu giám định chữ ký "mẹ T" trong sổ ghi thức ăn của ông M.

Việc anh mua thức ăn của ông M là để làm kinh tế riêng vợ chồng anh, bà Hạnh không có làm kinh tế hộ gia đình chung với vợ chồng anh. Quá trình xác lập, thực hiện giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi, tổng kết số nợ, thỏa Thận thời hạn trả tiền đều do cá nhân anh trực tiếp giao dịch với ông M, bà Hạnh không tham gia hay thỏa Thận bất kỳ nội dung nào của hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M. Bà Hạnh cũng không ủy quyền cho anh đứng ra giao dịch mua bán với ông M.Vì vậy bà Hạnh không có nghĩa vụ trả tiền nợ thức ăn cho ông M theo yêu cầu của ông M.

Mặt khác anh và ông M bắt đầu giao dịch mua bán vào ngày 09/01/2017, trong khi đó anh và chị Th đã tách hộ, có hộ khẩu riêng tại số nhà 28/3 ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre từ tháng 08/2015, còn bà Hạnh có hộ khẩu tại số nhà 21/3 ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Bà Hạnh hiện đã 66 tuổi thường xuyên đau yếu, các anh chị em khác ở xa nên anh và chị Th phải thường xuyên qua lại chăm sóc. Khi hai bên thỏa Thận mua bán thống nhất địa điểm giao hàng tại số nhà 21/3 ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre vì nơi đây có chuồng trại cũ đã được xây dựng từ trước nên vợ chồng anh có mượn diện tích chuồng trại này để chăn nuôi heo và vịt. Bà Hạnh không có tham gia chăn nuôi hay phụ giúp gì với vợ chồng anh.

Anh không yêu cầu tính lại tiền lãi mà ông M đã tính trong hợp đồng để tổng kết số tiền anh còn nợ ông M là 345.818.000 đồng.

Do việc chăn nuôi thua lỗ nên anh đề nghị cho vợ chồng anh thực hiện nghĩa liên đới trả dần cho ông M và bà K, mỗi năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi trả tất số nợ 345.818.000 đồng.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm*:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận môt phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M buộc bị đơn anh Nguyễn Bảo T và chị Võ Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị K số tiền 345.818.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu bà Phan Thị H phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Nguyễn Bảo T và chị Võ Thị Th trả cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị K số tiền 345.818.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về "hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn anh Nguyễn Bảo T, chị Võ Thị Th và bà Phan Thị Hạnh cùng cư trú tại xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về nội dung tranh chấp: theo trình bày của nguyên đơn ông Lê Văn M và bị đơn anh Nguyễn Bảo T cùng thống nhất giữa ông M và anh T đều tự nguyện giao kết, xác lập cũng như thực hiện hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo, vịt từ ngày 09/01/2017 đến ngày 05/5/2019 và tổng kết số tiền mà anh T còn nợ ông M là 345.818.000 đồng. Hợp đồng được ông M và anh T giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 92 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Khi thực hiện hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có 02 lần thỏa Thận bằng văn bản về thời hạn trả tiền, cụ thể: văn bản "Giấy nhận nợ" ngày 15/9/2017 và văn bản "Biên bản thỏa Thận" ngày 08/3/2019. Căn cứ vào văn bản thỏa Thận sau cùng có tựa "Biên bản thỏa Thận" lập ngày 08/3/2019 giữa ông M và anh T xác định anh T có nợ số tiền 350.818.000 đồng và hứa hẹn mỗi tháng trả 10.000.000 đồng và trả thêm 1.000.000 đồng tiền lãi, bắt đầu trả vào tháng 3/2019. Tuy nhiên đến ngày 05/5/2019 anh T có trả cho ông M được 5.000.000 đồng nên số tiền còn nợ lại là 345.818.000 đồng và từ đó cho đến nay không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như đúng thỏa Thận này. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ Luật Dân sự 2015: "Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng" từ đó cho thấy anh T đã vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng.

Mặt khác vợ chồng anh T, chị Th đều thừa nhận việc mua thức ăn chăn nuôi của ông M là để phát triển kinh tế chung của hai vợ chồng nên cần buộc anh T và chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông M và bà Khoe số tiền 345.818.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu trả dần của bị đơn Nguyễn Bảo T, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa nguyên đơn ông Lê Văn M và bị đơn anh Nguyễn Bảo T quá trình thực hiện hợp đồng có thỏa Thận bằng văn bản về thời hạn và các thức trả tiền nhưng anh T không thực hiện đúng cam kết là đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông M nên nay ông M yêu cầu trả 01 lần số tiền 345.818.000 đồng là phù hợp. Mặt khác, tại tòa hôm nay đối với yêu cầu trả dần mỗi năm trả 50.000.000 đồng

cho đến khi hết nợ của anh T không được ông M đồng ý. Do đó không có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn Nguyễn Bảo T.

[5] Đối với yêu cầu của nguyên đơn Lê Văn M yêu cầu bà Phan Thị Hạnh (mẹ của anh T) phải cùng có trách nhiệm liên đới cùng vợ chồng anh T, chị Th trả cho ông M và bà Khoe số tiền mà anh T đã mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 345.818.000 đồng. Ông M nêu căn cứ là do anh T, chị Th và bà Hạnh cùng làm kinh tế hộ gia đình, cùng chăn nuôi chung tại số nhà 21/3 ấp Quí Lợi, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là nơi cư trú của bà Hạnh hiện nay, bà Hạnh cũng có ký nhận 01 lần vào sổ giao nhận thức ăn của ông M vào ngày 30/01/2017. Xét yêu cầu này của ông M Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa ông M cũng thừa nhận việc ký nhận của anh T, chị Th, bà Hạnh trong sổ ghi thức ăn của ông với mục đích ký xác nhận đã nhận thức ăn chăn nuôi do ông giao đến cho anh T; còn bà Hạnh không tham gia giao kết hợp đồng với ông. Bên cạnh đó căn cứ theo trình bày của anh Nguyễn Minh Trí với tư cách là người làm chứng, anh Trí là người trực tiếp giao thức ăn chăn nuôi đến cho anh T trong suốt quá trình mua bán giữa ông M và anh T thì phương thức ghi sổ như thế này nhằm mục đích để xác định anh T đã nhận đúng chủng loại và đủ số lượng thức ăn chăn nuôi được giao đến theo yêu cầu của anh T. Anh Trí cũng đồng thời xác định những khi anh Tòan không có mặt để ký nhận thì mẹ anh T có ký nhận giùm thức ăn 01 lần thay cho anh T, hoặc có khi vợ anh T ký nhận hoặc có khi không có ai ở nhà thì những lần giao sau đó thì ai có mặt ở nhà thì sẽ ký nhận dồn của những lần trước đó có ý nghĩa để làm cơ sở xác nhận đã nhận đủ, đúng số lượng và chủng loại thức ăn chăn nuôi theo yêu cầu của khách hàng. Vì vậy việc bà Hạnh có ký tên nhận thức ăn được thể hiện trong sổ ghi thức ăn của ông M không là căn cứ để chứng minh bà Hạnh có xác lập, thực hiện hợp đồng mua bàn tài sản, cụ thể là bà Hạnh không có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với ông M.

Bên cạnh đó, xét về nội dung 03 văn bản được lập giữa ông Lê Văn M và anh Nguyễn Bảo T gồm: "Hợp đồng mua bán thức ăn" lập ngày 09/01/2017, "Giấy nhận nợ" ngày 15/9/2017, "Biên bản thỏa Thận" ngày 08/3/2019 đều do cá nhân anh T trực tiếp thỏa Thận về nội dung mua bán thức ăn chăn nuôi, thời hạn trả tiền với ông M nhưng không có nội dung nào đề cập đến trách nhiệm của bà Phan Thị Hạnh. Xét việc ông M căn cứ vào địa điểm chăn nuôi của anh T là tại số nhà 21/3 ấp QL, xã L là nơi cư trú của bà H hiện nay để buộc bà H phải liên đới trách nhiệm cùng vợ chồng anh T trả nợ cho ông M là không có cơ sở vì cả ông M và anh T đều thừa nhận số nhà 21/3 ấp QL, xã L là địa điểm giao tài sản qui định tại Điều 435 Bộ luật dân sự: "Địa điểm giao tài sản do các bên thoả Thận; nếu không có thoả Thận thì áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 277 của Bộ luật này".

Đồng thời căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án thì thấy rằng bà H là người cao tuổi thường xuyên đau yếu nên không có tham gia kinh tế hộ gia đình với anh T. Mặt khác Tòa án đã ra thông báo yêu cầu ông M phải giao nộp tài liệu chứng cứ, chứng minh bà Phan Thị H có tham gia giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi với ông, bà H có tham gia kinh tế hộ gia đình với anh T, chị Th nhưng ông M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh trách nhiệm liên đới

của bà H. Vì vậy yêu cầu của ông M về việc buộc bà H phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh T và chị Th trả số tiền 345.818.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Do yêu cầu của ông M được chấp nhận nên anh T và chị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1, Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430, 433, 435, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M đối với anh Nguyễn Bảo T và chị Võ Thị Th. Buộc anh Nguyễn Bảo T và chị Võ Thị Th có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị K số tiền 345.818.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M về việc yêu cầu bà Phan Thị H phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Nguyễn Bảo T và chị Võ Thị Th trả cho ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị K số tiền 345.818.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Anh Nguyễn Bảo T và chị Võ Thị Th có trách nhiệm liên đới chịu 17.290.900 đồng.

Ông Lê Văn M được Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.646.000 đồng theo Biên lai thu số 0003943 ngày 01 tháng 7 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

**Phan Cẩm Nhung**